



THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3456**/TB-TTCP

Hà Nội, ngày **24** tháng **9** năm 2026

THÔNG BÁO

**Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với
cách mạng cải thiện nhà ở tại tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc tỉnh Phú Thọ)
thời kỳ 2008 - 2019**

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, Thanh tra Chính phủ ban hành Kết luận thanh tra số 475/KL-TTCP về thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở tại tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc tỉnh Phú Thọ) thời kỳ 2008 - 2019.

Căn cứ quy định tại Điều 37 của Luật Thanh tra số 84/2025/QH15, Thanh tra Chính phủ thông báo Kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Tỉnh Vĩnh Phúc (trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, diện tích 1.236 km², dân số gần 1,2 triệu người, có 09 đơn vị hành chính cấp huyện, 121 đơn vị hành chính cấp xã; sau sắp xếp, gồm 36 xã, phường thuộc tỉnh Phú Thọ. Tại thời điểm 31/3/2021, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý hồ sơ của hơn 60.000 NCC, trong đó có hơn 18.000 người NCC và thân nhân NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Thời kỳ 2008 - 2019, Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Chính phủ¹ với các hình thức: Hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất (viết tắt là TSDĐ) khi bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước, khi giao đất làm nhà ở, khi cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở (viết tắt là chuyển MĐSDĐ), khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ); tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ kinh phí để xây mới hoặc sửa chữa nhà ở.

¹ Quyết định số 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở; Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và Điều 3 Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của TTgCP về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở; Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

II. KẾT LUẬN

1. Những kết quả đạt được

- Về ban hành văn bản triển khai: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở. Trọng tâm là Quyết định số 1859/QĐ-UB ngày 24/12/1997 quy định tạm thời về việc hỗ trợ TSDĐ cho NCC; Quyết định số 1555/QĐ-CT ngày 26/5/2009 và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 quy định về trách nhiệm, thẩm quyền quyết định miễn, giảm TSDĐ; Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện hỗ trợ nhà ở cho NCC cấp tỉnh; và Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 phê duyệt Đề án hỗ trợ NCC về nhà ở trên địa bàn theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg.

UBND tỉnh đã thực hiện phân cấp quản lý, ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định miễn, giảm TSDĐ cho NCC trên cơ sở xác nhận của UBND cấp xã (nơi NCC thường trú) và kết quả thẩm định của Chi cục Thuế cấp huyện.

- Về công tác tuyên truyền, phổ biến: Chính quyền các cấp và các cơ quan truyền thông tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở đến người dân dưới nhiều hình thức. Việc công khai chính sách, danh sách đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ được thực hiện qua niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và các điểm sinh hoạt khu dân cư theo quy định.

- Kết quả thực hiện, trong thời kỳ 2008 - 2019, tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện hỗ trợ cải thiện nhà ở cho 6.127 hộ NCC bằng nhiều hình thức với tổng kinh phí thực hiện là 185.754,52 triệu đồng, bao gồm:

+ Hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ: Đã giải quyết miễn, giảm TSDĐ cho 256 hộ NCC với tổng số tiền 52.922,52 triệu đồng khi được giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất².

+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở và tặng nhà tình nghĩa: Đã hoàn thành hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà hoặc tặng nhà tình nghĩa cho 5.871 hộ NCC với tổng kinh phí giải ngân là 132.832 triệu đồng. Cụ thể:

(i) Hỗ trợ sửa chữa nhà theo Quyết định số 118-TTg: Thực hiện bằng nguồn ngân sách tỉnh đối với 958 hộ NCC, số tiền 15.156 triệu đồng.

(ii) Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà theo Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg, Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg và Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cho 1.845 hộ NCC với tổng số tiền 30.826 triệu đồng. Trong đó (154 hộ NCC được hỗ trợ theo Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg; 288 hộ NCC được hỗ trợ theo Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg; 1.403 hộ NCC được hỗ trợ từ nguồn tiền của Quỹ Đền ơn

² Giao đất ở: hỗ trợ cho 229 hộ; chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở: hỗ trợ cho 14 hộ; công nhận quyền sử dụng đất (cấp GCNQSDĐ): hỗ trợ cho 13 hộ.

đáp nghĩa.

(iii) Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg cho 3.065 hộ NCC (gồm 1.239 hộ xây mới và 1.826 hộ sửa chữa) từ nguồn ngân sách Nhà nước, số tiền 86.080 triệu đồng³.

(iv) Tặng nhà tình nghĩa cho 03 hộ NCC với kinh phí 770 triệu đồng.

- Về công tác giám sát, theo dõi thi hành pháp luật: Ngày 01/3/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Kế hoạch số 1089/KH-UBND về việc theo dõi tình hình thực thi pháp luật năm 2016 trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở kế hoạch này, ngày 02/11/2016, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 6334/QĐ-UBND thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành do Sở Tư pháp chủ trì để tiến hành giám sát tình hình thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm, nhà ở xã hội và nhà ở cho NCC tại địa phương, ban hành Báo cáo kết quả số 213/BC-ĐKT ngày 23/12/2016.

2. Tồn tại, hạn chế, vi phạm

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, kiến nghị

- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện:

+ Quyết định số 118-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 27/02/1996, nhưng đến ngày 24/12/1997, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 1859/QĐ-UB quy định tạm thời việc hỗ trợ TSDĐ cho NCC để thực hiện, chậm (22 tháng) so với quy định.

+ Trong các thời kỳ tiếp theo, khi chính sách hỗ trợ NCC cải thiện về nhà ở có sự điều chỉnh, bổ sung nhóm đối tượng được hưởng mức hỗ trợ (như “*Cán bộ Tiền khởi nghĩa*” tại Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg; “*Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học*” và các mức hỗ trợ mới tại Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg). Đến ngày 26/5/2009, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 1555/QĐ-CT để sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1859/QĐ-UB cho phù hợp với chính sách hiện hành.

+ UBND tỉnh Vĩnh Phúc chưa ban hành quy định cụ thể tiêu chí “*khó khăn về nhà ở*” (hoặc đặc biệt khó khăn) đối với các hộ NCC phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm của địa phương để làm căn cứ xét giao đất, tặng nhà tình nghĩa, miễn, giảm TSDĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định 118-TTg; chưa quy định rõ trách nhiệm và quy trình cụ thể của các cơ quan chức năng (đặc biệt là cấp cơ sở) trong việc xác minh thực trạng nhà ở, điều kiện khó khăn về nhà ở của NCC làm căn cứ xét hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Quyết định số 118-TTg.

³ Còn lại 12 hộ NCC (gồm 07 hộ xây mới và 05 hộ sửa chữa) đã được duyệt nhưng không thực hiện do không còn nhu cầu hoặc đối tượng đã mất, tương ứng với số tiền hỗ trợ không sử dụng là 380 triệu đồng. Địa phương đã thực hiện hoàn trả lại ngân sách trung ương số tiền là 304 triệu đồng (đảm bảo tỷ lệ 80% vốn Trung ương hỗ trợ đối ứng).

- Việc tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả còn hạn chế; một số cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị liên quan, người dân chưa thực sự hiểu đúng chính sách.

- Về công tác sơ kết, tổng kết: Trong thời gian dài triển khai thực hiện, UBND tỉnh chưa tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề để đánh giá hiệu quả thực tế của chính sách (nhất là hình thức hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ). Thiếu sót này dẫn đến việc không kịp thời phát hiện các tồn tại, hạn chế ở cấp cơ sở và những bất cập, chênh lệch về mức hưởng giữa các hình thức hỗ trợ để kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách; thể hiện việc thực hiện chưa đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 25 Pháp lệnh số 36/L/CTN năm 1994; đồng thời chưa chú trọng việc tổ chức thí điểm rút kinh nghiệm theo mục 3 Chỉ thị số 166-TTg ngày 19/3/1996 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, kiến nghị: Thời kỳ 2008 - 2019, UBND tỉnh và các cơ quan tham mưu chuyên ngành (Sở LĐTB&XH, Sở Xây dựng, Sở TN&MT) không tổ chức các cuộc thanh tra và thiếu kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho NCC (đặc biệt là công tác xét duyệt hỗ trợ, miễn, giảm TSDĐ), là chưa thực hiện đúng trách nhiệm quản lý nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 25 Pháp lệnh số 36/L/CTN năm 1994; điểm đ khoản 5 Nghị quyết số 63/NQ-CP; điểm g khoản 2 Điều 8 Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg và khoản 2 Điều 52 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTB&XH.

- UBND thành phố Vĩnh Yên chậm thu hồi quyết định miễn, giảm TSDĐ đối với 03 đối tượng không đủ điều kiện theo Kết luận thanh tra số 999/KL-TTr ngày 01/4/2014 của Thanh tra Bộ LĐTB&XH. Đến năm 2022, UBND thành phố Vĩnh Yên mới bổ quyết định sai và hoàn thành thu hồi 271,348 triệu đồng về NSNN.

2.2. Trong việc thực hiện hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất

Kiểm tra 97/239 hồ sơ miễn, giảm TSDĐ tại UBND các huyện, thành phố: Vĩnh Yên, Phúc Yên, Tam Đảo, Bình Xuyên và rà soát trên hệ thống đăng ký biến động đất đai của các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện, hồ sơ của cơ quan Thuế, thấy:

- Các hồ sơ hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ đối với NCC và tài liệu kèm theo thể hiện: UBND cấp xã chỉ xác nhận đối tượng là NCC, có hộ khẩu thường trú (viết tắt là HKTT) tại nơi cư trú và Chi cục Thuế cấp huyện xác nhận NCC chưa được miễn, giảm TSDĐ lần nào là được UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng xét, hỗ trợ TSDĐ; UBND cấp xã, các cơ quan chức năng thuộc UBND cấp huyện không thực hiện kiến nghị, xác minh về thực trạng nhà ở để xác định gia đình NCC có khó khăn về nhà ở làm cơ sở xét hỗ trợ TSDĐ, là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 1; khoản 8 Điều 2 Quyết định số 118-TTg và khoản 2 Điều 1

Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (viết tắt là Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13) sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi NCC số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 của UBTV Quốc hội.

- Có 13 hồ sơ miễn, giảm TSDĐ, số tiền 3.430 triệu đồng đối với các hộ gia đình NCC đã có đất ở (được cấp GCNQSDĐ) trước khi đề nghị được hỗ trợ TSDĐ; UBND cấp huyện chỉ căn cứ vào đề nghị của NCC và cơ quan Thuế xác định chưa được miễn, giảm TSDĐ đã phê duyệt miễn, giảm TSDĐ là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 118-TTg và khoản 2 Điều 1 Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 (trong đó: thành phố Vĩnh Yên có 08 trường hợp, thành phố Phúc Yên có 03 trường hợp, huyện Tam Đảo có 01 trường hợp, huyện Bình Xuyên có 01 trường hợp). Đáng chú ý có 02 trường hợp tại thành phố Phúc Yên, gồm:

+ Ông Nguyễn Đình Khoa (con liệt sĩ, HKTT tại Tổ 1, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội) có 02 thửa đất ở đã được cấp GCNQSDĐ tại thành phố Phúc Yên vẫn đề nghị được hỗ trợ TSDĐ khi làm thủ tục công nhận QSDĐ cho 53m² đất ở tại phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên. Đơn đề nghị xác nhận NCC ngày 18/10/2019 và Đơn đề nghị giảm TSDĐ của ông Khoa (không ghi ngày) ghi rõ HKTT của ông tại phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nhưng không có xác nhận khó khăn về nhà ở hoặc kiến nghị miễn, giảm TSDĐ cho ông Khoa của các cấp chính quyền tại đây; Chi cục Thuế khu vực Mê Linh- Sóc Sơn (Cục Thuế thành phố Hà Nội) có Văn bản số 4801/CCT-TrB&TK ngày 23/10/2019 xác nhận ông Khoa chưa được miễn, giảm TSDĐ lần nào.

Mặc dù hồ sơ đề nghị hỗ trợ TSDĐ của ông Khoa không đầy đủ theo quy định, nhưng UBND thành phố Phúc Yên vẫn ban hành Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 giảm 70% TSDĐ đối với 53m² đất ở, số tiền là 278,25 triệu đồng, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 2 Quyết định số 118-TTg và điểm 2 Công văn số 2312/CT-THNVDT ngày 05/6/2009 của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc về việc thực hiện miễn, giảm TSDĐ đối với NCC.

+ Bà Đàm Thị Bê (vợ liệt sĩ, HKTT tại phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên) đã có 171,6m² đất ở vẫn đề nghị miễn, giảm TSDĐ khi làm thủ tục chuyển MĐSD 200m² đất nông nghiệp sang đất ở tại nơi thường trú.

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin số 50/PC-TNMT ngày 26/02/2018 và các tài liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phúc Yên (viết tắt là Phòng TN&MT), Chi cục Thuế thành phố Phúc Yên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu TSDĐ (viết tắt là Nghị định số 45/2014/NĐ-CP) xác định TSDĐ phải nộp khi chuyển MĐSD đối với 200m² đất bằng 50% tiền chênh lệch giữa giá 02 loại đất (đất ở - đất nông

nghiệp) là 264 triệu đồng; số TSDĐ được giảm (70% TSDĐ đối với 120m² đất trong hạn mức đất ở) theo Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND thành phố Phúc Yên là 110,88 triệu đồng; số TSDĐ còn phải nộp là 153,12 triệu đồng (Bà Bê đã nộp 153,12 triệu đồng vào NSNN).

Qua xem xét hồ sơ thấy: Thửa đất bà Đàm Thị Bê đề nghị chuyển MĐSD không phải đất vườn ao trong cùng một thửa đất. UBND thành phố Phúc Yên ban hành quyết định giảm TSDĐ khi chuyển MĐSD đối với bà Đàm Thị Bê là vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, cụ thể: TSDĐ phải nộp xác định bằng 100% chênh lệch giữa giá 2 loại đất (đất ở - đất nông nghiệp) là 528 triệu đồng; TSDĐ được giảm đối với đất ở trong hạn mức (120m²) là 221,76 triệu đồng; số tiền phải nộp là 306,24 triệu đồng; số TSDĐ phải nộp bổ sung NSNN là 153,12 triệu đồng⁴.

- Có 02 hồ sơ NCC được hỗ trợ miễn giảm TSDĐ (khi cấp GCNQSDĐ) theo quyết định của Chi cục Thuế khu vực Tam Đảo khi chưa có quyết định hỗ trợ của UBND huyện Tam Đảo, không đúng quy định tại khoản 8 Điều 2 Quyết định số 118-TTg, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính (hướng dẫn Nghị định số 45/2014/NĐ-CP) và Điều 1 Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 26/5/2009 của UBND tỉnh (có hiệu lực đến ngày 09/6/2019) về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố, thị xã quyết định hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ cho từng đối tượng NCC, cụ thể:

+ Ông Vũ Văn Tai (là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được giảm 58,5 triệu đồng (90%) TSDĐ theo Quyết định số 3906/QĐ-CCT ngày 02/10/2018 của Chi cục Thuế khu vực Tam Đảo.

+ Ông Đinh Văn Tam (là bệnh binh hạng 2) được giảm 50,4 triệu đồng (80%) TSDĐ theo Quyết định số 578/QĐ-CCT ngày 31/5/2019 của Chi cục Thuế khu vực Tam Đảo.

- Chi cục Thuế khu vực Tam Đảo áp dụng mức giảm 80% TSDĐ đối với ông Đinh Văn Tam thấp hơn mức được hưởng của bệnh binh hạng 2 (90%), không đúng tỷ lệ % quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 118-TTg (thiếu 10% = 6,3 triệu đồng).

- Có 15 hồ sơ NCC được UBND thành phố Vĩnh Yên hỗ trợ TSDĐ trên phần diện tích đất vượt hạn mức đất ở⁵ với số tiền là 965,52 triệu đồng vi phạm quy định

⁴ Tạm tính TSDĐ khi chuyển MĐSD 200m² đất đối với bà Đàm Thị Bê: (thời điểm 2018, giá đất tại khu vực: đất ở 2,7 triệu/m², đất cây lâu năm 60.000đ/m²) TSDĐ của 200m² đất chuyển MĐSD là 528 triệu (bằng 100% chênh lệch giữa 2 loại đất). Bà Bê được giảm 70% TSDĐ đối với 120 m² trong hạn mức đất ở là: 221,76 triệu đồng; Bà Bê phải nộp ngân sách: 528 triệu đồng - 221,76 triệu đồng = 306,24 triệu đồng; đã nộp 153,12 triệu đồng, số tiền còn phải nộp: 153,12 triệu đồng (trong thời gian thanh tra, Bà Đàm Thị Bê đã nộp bổ sung NSNN số tiền 153,12 triệu đồng).

⁵ Các văn bản quy định về hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân của UBND Vĩnh Phúc thời kỳ 2008-2019: Quyết định số 49/2007/QĐ-UBND ngày 14/8/2007 Ban hành quy định về giao đất xây dựng nhà ở, hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số

tại khoản 4 Điều 2 Quyết định số 118-TTg, khoản 5 Điều 12, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 (áp dụng thời kỳ 2008 - 2013) và khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP (áp dụng thời kỳ 2013 - 2019) (đã thu hồi về ngân sách nhà nước).

2.3. Trong việc thực hiện hỗ trợ NCC xây dựng, sửa chữa nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg

- Trong công tác rà soát, thống kê và lập đề án: Công tác rà soát đối tượng của UBND cấp huyện và các cơ quan chuyên môn (Sở Xây dựng với vai trò là cơ quan thường trực, chủ trì lập đề án; Sở LĐTĐ&XH là cơ quan rà soát đối tượng) thực hiện thiếu chính xác, chưa bám sát hiện trạng nhà ở và hoàn cảnh của từng hộ gia đình NCC trên địa bàn, dẫn đến quá trình triển khai phải điều chỉnh đề án nhiều lần. Việc chậm trong khâu lập và điều chỉnh danh sách hỗ trợ dẫn đến địa phương không hoàn thành thời gian, tiến độ hỗ trợ trong năm 2013 và 2014 theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát: UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở LĐTĐ&XH (cơ quan thường trực theo từng giai đoạn) và các sở, ngành liên quan chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc “*Ban hành cơ chế kiểm tra, giám sát*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 8 Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg và yêu cầu “*Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra*” tại điểm đ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 63/NQ-CP của Chính phủ nên không phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai sót trong khâu thống kê, lập danh sách từ cấp cơ sở.

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế, vi phạm

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Các Bộ: LĐTĐ&XH, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Quyết định số 118-TTg, Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg, chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở; các văn bản về chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở của Trung ương và của tỉnh chậm được sửa đổi, chưa cụ thể hóa điều kiện “*khó khăn về nhà ở*” đối với trường hợp miễn, giảm TSDĐ khi làm thủ tục chuyển MĐSDĐ sang đất ở, cấp GCNQSDĐ. Trong thời kỳ 2008 - 2019, các Bộ, ngành liên quan chưa thực hiện kịp thời, đầy đủ công tác kiểm tra và hướng dẫn việc sơ kết, tổng kết các nội dung liên quan đến thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở.

44/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 ban hành quy định về giao đất xây dựng nhà ở, hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 ban hành quy định về giao đất xây dựng nhà ở không qua đấu giá QSDĐ, hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận diện tích đất ở và diện tích chia, tách thửa đất ở tối thiểu; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Việc Bộ LĐTB&XH ban hành Quyết định số 1395/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/9/2015 công bố kết quả hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ LĐTB&XH đến hết ngày 10/6/2015, trong đó Quyết định số 118-TTg của Thủ tướng Chính phủ được đưa vào Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực với lý do “*bị bãi bỏ*”⁶, trong khi Quyết định số 118-TTg vẫn còn hiệu lực là không đúng thẩm quyền, dẫn đến địa phương khó tổ chức thực hiện chính sách, làm ảnh hưởng quyền lợi của NCC.

- Bất cập trong các quy định về mức hỗ trợ và điều kiện, thủ tục xét hỗ trợ giữa 2 hình thức hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở, dẫn đến không công bằng về mức hỗ trợ và điều kiện, thủ tục xét hỗ trợ. Việc hỗ trợ kinh phí để sửa chữa, xây mới nhà ở có quy định về điều kiện, thủ tục xét chặt chẽ nhưng mức hưởng thấp; trong khi đó việc hỗ trợ theo hình thức miễn, giảm TSDĐ có mức hưởng cao hơn nhiều, nhưng thủ tục, điều kiện xét chưa cụ thể, không chặt chẽ, từ đó có thể dẫn đến tình trạng lợi dụng chính sách.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- UBND tỉnh, các sở, ngành có liên quan chưa thực sự quan tâm đến công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở, ban hành các quy định chưa đầy đủ, thiếu cụ thể. Các sở, ngành có liên quan của tỉnh (LĐTB&XH, Xây dựng, TN&MT, Tài chính, Thuế) chưa thực sự làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh trong tổ chức thực hiện chính sách.

- UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các sở, ngành và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, trách nhiệm được giao, chấp hành chưa nghiêm các quy định của pháp luật về ưu đãi NCC với cách mạng, chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở để xảy ra các tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trên.

- UBND tỉnh chưa chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện miễn, hỗ trợ miễn giảm TSDĐ cho NCC; chưa kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, xử lý các tồn tại, hạn chế, vi phạm; chậm sửa đổi hoặc kiến nghị với cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách.

- Việc tuyên truyền phổ biến chính sách hiệu quả còn hạn chế, còn tình trạng một số cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị liên quan, người dân chưa hiểu, chưa nắm được đầy đủ chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở; một số trường hợp NCC không thực sự có khó khăn về nhà ở vẫn đề nghị và được xét

⁶ Quyết định số 1395/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/9/2015 của Bộ LĐTB&XH về việc công bố kết quả hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý NN của Bộ LĐTB&XH đến hết ngày 10/6/2015; tại Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý NN của Bộ LĐTB&XH hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần đến hết ngày 10/6/2015 - Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-BLĐTBXH, Mục X - Lĩnh vực NCC, Số thứ tự 326: Quyết định số 118-TTg được nêu hết hiệu lực do bị bãi bỏ.

miễn, giảm TSDD.

4. Trách nhiệm

Trách nhiệm đối với những tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trên thuộc về:

- UBND tỉnh Vĩnh Phúc, lãnh đạo UBND tỉnh; các sở, ngành, lãnh đạo các sở, ngành: LĐTĐ&XH, TN&MT, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thời kỳ 2008 - 2019.

- UBND cấp huyện, lãnh đạo UBND cấp huyện; UBND cấp xã, lãnh đạo UBND cấp xã; lãnh đạo các phòng, ban: LĐTĐ&XH, TN&MT, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện, Chi cục Thuế cấp huyện (khu vực) và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thời kỳ 2008 - 2019.

III. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả thanh tra và kết luận nêu trên, Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị:

1. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

- Các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung kết luận, kiến nghị trong Kết luận thanh tra; căn cứ các tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra, tổ chức rà soát, làm rõ tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân và trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức, cá nhân có liên quan qua từng thời kỳ; trên cơ sở kết quả rà soát, tổ chức xem xét trách nhiệm để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật; báo cáo Thanh tra Chính phủ về kết quả thực hiện để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Giao Bộ Nội vụ:

- + Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp rà soát, ban hành hoặc báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản theo thẩm quyền để đảm bảo thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở;

- + Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ NCC, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để đảm bảo liên thông, công khai, minh bạch, công bằng trong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở.

2. UBND tỉnh Phú Thọ, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền:

2.1. Chấn chỉnh công tác quản lý

- Khẩn trương có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, xử lý đối với những tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trong Kết luận thanh tra.

- Quy định cụ thể điều kiện, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, trách

nhiệm trong việc hỗ trợ về nhà ở đối với NCC để khắc phục những bất cập, vướng mắc nêu trong Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát các hồ sơ đã hỗ trợ TSĐĐ đối với NCC chưa được thanh tra, chưa xác định được nguồn gốc đất, nếu có vi phạm phải tiến hành thu hồi về ngân sách nhà nước số TSĐĐ đã hỗ trợ và xử lý theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm.

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở và các quy định pháp luật có liên quan, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức và cộng đồng xã hội trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở; thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, công chức; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở.

2.2. Xử lý về kinh tế

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, rà soát 13 hồ sơ hỗ trợ TSĐĐ đối với NCC đã có đất ở tại các xã, phường được sắp xếp từ các huyện, thành phố thuộc tỉnh Phú Thọ đã được thanh tra. Căn cứ kết quả kiểm tra, rà soát, nếu thấy có vi phạm, không đảm bảo điều kiện xét hỗ trợ TSĐĐ theo các quy định của Quyết định số 118-TTg, Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg phải xử lý, thu hồi triệt để về ngân sách nhà nước số TSĐĐ đã miễn, giảm không đúng quy định và xử lý các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác (nếu có), không để thất thoát ngân sách nhà nước.

- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát và xử lý thu hồi triệt để về ngân sách nhà nước số TSĐĐ đã miễn, giảm không đúng quy định và xử lý các nghĩa vụ tài chính phát sinh (nếu có), không để thất thoát, cụ thể:

- + Số TSĐĐ giảm không đúng quy định đối với bà Đàm Thị Bê tại phường Phúc Yên (bà Đàm Thị Bê đã nộp bổ sung vào ngân sách nhà nước số tiền 153,12 triệu đồng).

- + Số TSĐĐ đã miễn, giảm vượt hạn mức đất ở đối với 15 trường hợp NCC tại các xã, phường được sắp xếp từ thành phố Vĩnh Yên (đã thu hồi về ngân sách Nhà nước số tiền 965,52 triệu đồng).

- Chỉ đạo rà soát và thực hiện thủ tục hoàn trả số tiền SĐĐ thu vượt quy định đối với ông Đinh Văn Tam do áp dụng tỷ lệ miễn, giảm thấp hơn mức quy định (90%), bảo đảm đúng chính sách quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền (Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan Thuế, UBND cấp xã...) tiến hành kiểm tra, rà soát và thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, thuế của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện Kết luận thanh tra nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển cơ quan Điều tra để xem xét, xử lý theo quy

định của pháp luật.

2.3. Kiểm điểm, xử lý trách nhiệm

Chỉ đạo, tổ chức rà soát, kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm để xử lý theo quy định đối với lãnh đạo các sở, ngành, đơn vị: LĐT&XH, TN&MT, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế tỉnh; UBND cấp huyện, lãnh đạo UBND cấp huyện, các phòng, ban: LĐT&XH, TN&MT, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện, Chi cục Thuế cấp huyện; UBND cấp xã, lãnh đạo UBND cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan của tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2008 - 2019 để xảy ra các tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trong Kết luận thanh tra.

Ngày 06/8/2026, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 3576/VPCP-V.I thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu về việc thực hiện Kết luận thanh tra số 475/KL-TTCTP ngày 20/7/2026 của Thanh tra Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu tại văn bản nêu trên, Thanh tra Chính phủ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ; các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền thực hiện Kết luận thanh tra số 475/KL-TTCTP ngày 20/7/2026 của Thanh tra Chính phủ, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện gửi Thanh tra Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Thanh tra Chính phủ trân trọng thông báo./. *ly*

Nơi nhận: *ly*

- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCTP Lê Tiến Đạt;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp;
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- TTCTP: Cục IV, Cục XIV;
- Văn phòng TTCTP (để đăng tải trên Cổng TTĐT);
- Báo Thanh tra (để đăng tải);
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐTT.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Lê Tiến Đạt